TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/KDTM-ST
Ngày: 12/9/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Phú Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hồng Cúc

2. Bà Hoàng Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, lúc 08 giờ 30 phút tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 602/2021/TLST-KDTM ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-KDTM ngày 02/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 151/2023/QĐST-KDTM ngày 22/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ

Trụ sở: Số x (tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của Tòa nhà) và số y đường D, Phường B, Quận M, Thành phố H.

Đại diện hợp pháp: Ông B là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 138A/2021/UQ-O ngày 09/6/2021.

Địa chỉ liên hệ: Số x-z đường D, Phường B, Quận M, TP. H. (ông B có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần NB

Trụ sở: xx/xy đường T, Phường T, Quận B, Tp. H.

Đại diện hợp pháp: Ông P là đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: xx/xy đường T, Phường T, Quận B, Tp. H.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện

uỷ quyền của nguyên đơn là ông B trình bày: Ngày 22/5/2017, Công ty Cổ phần NB (gọi tắt là Công ty TN) đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng O) Hợp đồng tín dụng số 0034/SME-NTB/2017/HĐTD-DN để vay vốn, chi tiết như sau:

- Số tiền vay: 9.700.000.000 (Bằng chữ: Chín tỷ bảy trăm triệu đồng);
- Thời hạn vay: 60 tháng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 34 xe ô tô;
- Lãi suất vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + Biên độ lãi suất

Trong đó: Lãi suất cơ sở: Bằng lãi suất tiền tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng O công bố tại thời điểm tính lãi; Biên độ lãi suất: Tối thiểu 4%/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Nếu chậm trả lãi, Bên vay phải thanh toán cho bên cho vay tiền lãi chậm trả với lãi suất là 10%/năm. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng O đã giải ngân toàn bộ số tiền nêu trên theo Khế ước nhận nợ số 0034.01/MSE-NTB/2017-O/KƯNN-DN ngày 23/5/2017.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0034/SME-NTB/2017/BĐ.01 ngày 27/5/2017 là 34 xe ô tô, cụ thể là các xe ô tô sau:

1. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-378.07, đăng ký lần đầu ngày 12/05/2017, số máy: 2926HLSX0143, số khung: 48DJHH941589. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273103.

2. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2 , biển số đăng ký 51G-379.81, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0022, số khung: 48DJGH940945. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273023.

3. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-371.18, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0198, số khung: 48DJGH940947. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273030.

4. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-370.89, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0018, số khung: 48DJGH940963. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273027.

5. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-370.88, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0017, số khung: 48DJGH940944. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273028.

6. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-378.81, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0191, số khung: 48DJGH940961. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273032.

7. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-370.71, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0197, số khung: 48DJGH940953. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273025.

8. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-379.88, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0206, số khung: 48DJGH940962. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273007.

9. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-376.84, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0306, số khung: 48DJGH940960. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273029.

10. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-379.44, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX008, số khung: 48DJGH940946. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273031.

11. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-379.85, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0304, số khung: 48DJGH940928. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273008.

12. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.83, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2786HLSX0226, số khung: 48DJGH941393. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273356.

13. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.16, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0139, số khung: 48DJHH941595. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273349.

14. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-381.58, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0147, số khung: 48DJHH941586. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273359.

15. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.06, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2776HLSX0370, số khung: 48DJGH940956. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 2733348.

16. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-378.36, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0141, số khung: 48DJHH941604. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273345.

17. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-381.21, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2786HLSX0310, số khung: 48DJGH941394. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273357.

18. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-384.09, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0126, số khung: 48DJHH9411605. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273365.

19. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-375.81, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2936HLSX0353, số khung: 48DJGH941395. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273346.

20. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.45, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2796HLSX0034, số khung: 48DJGH940924. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273354.

21. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-381.13, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2786HLSX0016, số khung: 48DJGH940938. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273358.

22. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-384.04, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2776HLSX0332, số khung: 48DJGH940941. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273366.

23. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-383.92, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0189, số khung: 48DJHH941596. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273361.

24. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.31, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2966HLSX0314, số khung: 48DJGH941361. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273352.

25. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.76, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2776HLSX0363, số khung: 48DJGH940931. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273353.

26. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.12, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0144, số khung: 48DJHH941603. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273350.

27. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.40, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2966HLSX0317, số khung: 48DJGH941376. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273351.

28. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-383.93, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2936HLSX0358, số khung: 48DJGH941362. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273364.

29. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-376.50, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2926HLSX0128, số khung: 48DJHH941587. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273104.

30. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.09, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2786HLSX0234, số khung: 48DJGH941398. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273347.

31. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-381.01, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2786HLSX0302, số khung: 48DJGH940954. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273355.

32. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-383.95, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0183, số khung: 48DJHH941597. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273363.

33. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-381.35, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2936HLSX0371, số khung: 48DJGH941360. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273360.

34. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-384.17, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0194, số khung: 48DJHH941594. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273368.

Tài sản bảo đảm là 34 xe ô tô trên đã được Ngân hàng O đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty TN đã thanh toán nợ gốc 2.926.153.818 đồng, tiền lãi là 954.253.119 đồng. Thời điểm thanh toán cuối cùng là ngày 27/11/2018, khi phát sinh nợ quá hạn và những vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của Công ty TN, Ngân hàng O đã nhiều lần yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến nay Công ty TN vẫn không thanh toán nợ vay là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 0034/SME-NTB/2017/HĐTD-DN ngày 22/5/2021 và Khế ước nhận nợ số 0034.01/SME-NTB/2017-O/KƯNN-DN ngày 23/5/2017 được ký kết giữa Ngân hàng O với Công ty TN. Trong quá trình phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng O và khách hàng đã chủ động xử lý tài sản bảo đảm và đã giải chấp được 06 xe ô tô, cụ thể là các xe ô tô sau:

1. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-376.50, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2926HLSX0128, số khung: 48DJHH941587. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273104.

2. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.09, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2786HLSX0234, số khung: 48DJGH941398. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273347.

3. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-381.01, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2786HLSX0302, số khung: 48DJGH940954. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273355.

4. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-383.95, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0183, số khung: 48DJHH941597. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273363.

5. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-381.35, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2936HLSX0371, số khung: 48DJGH941360. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273360.

6. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-384.17, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0194, số khung: 48DJHH941594. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273368.

Tổng dư nợ của Công ty TN còn phải thanh toán cho Ngân hàng O phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 0034/SME-NTB/2017/HĐTD-DN ngày 22/05/2017 tạm tính đến ngày 01/8/2013 là 12.785.915.728 (Trong đó: Nợ gốc là 6.773.846.182 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.732.004.856 đồng, lãi quá hạn: 3.627.723.685 đồng; phạt chậm trả lãi: 652.341.005 đồng). Nay đề nghị Tòa án buộc Công ty TN thanh toán cho Ngân hàng O số tiền nêu trên và tiền lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 02/8/2023 cho đến khi Công ty TN hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng O. Thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Nếu Công ty TN không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng O được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0034/SME-NTB/2017/BĐ ngày 27/05/2017 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP O theo quy định của pháp luật, cụ thể là các tài sản sau:

1. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-378.07, đăng ký lần đầu ngày 12/05/2017, số máy: 2926HLSX0143, số khung: 48DJHH941589. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273103.

2. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2 , biển số đăng ký 51G-379.81, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0022, số khung: 48DJGH940945. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273023

3. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-371.18, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0198, số khung: 48DJGH940947. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273030

4. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-370.89, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0018, số khung: 48DJGH940963. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273027

5. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-370.88, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0017, số khung: 48DJGH940944. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273028.

6. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-378.81, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0191, số khung: 48DJGH940961. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273032.

7. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-370.71, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0197, số khung: 48DJGH940953. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273025.

8. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-379.88, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0206, số khung: 48DJGH940962. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273007.

9. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-376.84, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0306, số khung: 48DJGH940960. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273029.

10. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-379.44, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX008, số khung: 48DJGH940946. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273031.

11. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-379.85, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0304, số khung: 48DJGH940928. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273008.

12. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.83, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2786HLSX0226, số khung: 48DJGH941393. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273356.

13. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.16, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0139, số khung: 48DJHH941595. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273349.

14. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-381.58, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0147, số khung: 48DJHH941586. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273359.

15. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.06, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2776HLSX0370, số khung: 48DJGH940956. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 2733348.

16. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-378.36, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0141, số khung: 48DJHH941604. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273345.

17. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-381.21, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2786HLSX0310, số khung: 48DJGH941394. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273357.

18. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-384.09, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0126, số khung: 48DJHH9411605. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273365.

19. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-375.81, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2936HLSX0353, số khung: 48DJGH941395. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273346.

20. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.45, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2796HLSX0034, số khung: 48DJGH940924. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273354.

21. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-381.13, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2786HLSX0016, số khung: 48DJGH940938. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273358.

22. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-384.04, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2776HLSX0332, số khung: 48DJGH940941. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273366.

23. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-383.92, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0189, số khung: 48DJHH941596. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273361.

24. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.31, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2966HLSX0314, số khung: 48DJGH941361. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273352.

25. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.76, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2776HLSX0363, số khung: 48DJGH940931. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273353.

26. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.12, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0144, số khung: 48DJHH941603. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273350.

27. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.40, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2966HLSX0317, số khung: 48DJGH941376. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273351.

28. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-383.93, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2936HLSX0358, số khung: 48DJGH941362. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273364.

Bị đơn Công ty Cổ phần NB và người đại diện theo pháp luật: đã được Tòa án tống đạt, niêm yết Giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định của pháp luật, nhưng bị đơn vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán cho Ngân hàng O tổng dư nợ của Hợp đồng tín dụng số: 0034/SME-NTB/2017/HĐTD-DN ngày 22/5/2017 tạm tính đến ngày 11/9/2023 là 13.050.752.968 đồng. Trong đó nợ gốc 6.773.846.182 đồng, lãi trong hạn: 1.732.004.856 đồng, lãi quá hạn 3.768.901.930 đồng và phạt hợp đồng 776.000.000 đồng, và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi Công ty TN hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng O. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì Ngân hàng O được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là 28 xe ô tô còn lại theo hợp đồng thế chấp xe ô tô.

- Bị đơn Công ty TN và người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ

khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện bị đơn Công ty Cổ phần NB thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 điều 30 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ kết quả trả lời xác minh của phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty TN có trụ sở xx/xy đường T, Phường T, Quận B, Tp. H. Đến nay doanh nghiệp nêu trên chưa đăng ký giải thể. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Xét bị đơn Công ty TN và người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ Điều 196, khoản 1 Điều 207, Điều 208, Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành lập biên bản ghi nhận việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

[2.2] Xét bị đơn Công ty TN và người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến tham gia tố tụng lần thứ hai tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt đại diện nguyên đơn theo qui định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về thanh toán nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xét lời khai của nguyên đơn, khế ước nhận nợ số 0034.01/SME-NTB/2017-O/KƯNN-DN ngày 23/5/2017, sao kê tài khoản của Công ty TN và bảng tính lãi xác định lịch thu nợ và trả nợ vay của Hợp đồng tín dụng số 0034/SME-NTB/2017/HĐTD-DN ngày 22/5/2017 đối với khách hàng Công ty TN, có đủ cơ sở xác định ngày 23/5/2017 Ngân hàng O đã giải ngân số tiền 9.700.000.000 đồng cho Công ty TN. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TN đã thanh toán cho Ngân hàng O số tiền nợ gốc là: 2.926.153.818 đồng, tiền lãi là

954.253.119 đồng và từ ngày 27/11/2018 Công ty TN không trả cho Ngân hàng O thêm khoản tiền nào khác.

[3.2] Xét tại khoản 3 Điều 5 hợp đồng tín dụng số 0034/SME-NTB/2017/HĐTD-DN ngày 22/5/2017 quy định: "*Bên vay phải trả nợ trước hạn khi phát sinh một hoặc một số sự kiện sau: ....bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng này....;*".

[3.3] Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *"...bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..."*. Căn cứ khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *"...Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận..."*.

[3.4] Căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng"*.

[3.5] Xét bị đơn Công ty TN đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng O mặc dù đã được Ngân hàng O thông báo nhắc nợ nhưng phía bị đơn vẫn không thanh toán là đã vi phạm điều khoản hợp đồng tín dụng số 0034/SME-NTB/2017/HĐTD-DN ngày 22/5/2017. Do đó việc Ngân hàng O khởi kiện Công ty TN yêu cầu thu hồi nợ gốc số tiền: 6.773.846.182 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Xét yêu cầu thanh toán lãi trong hạn, lãi quá hạn và phạt vi phạm:

[4.1] Đối với yêu cầu tiền lãi bao gồm: Lãi trong hạn: 1.732.004.856 đồng và lãi quá hạn là 3.768.901.930 đồng (tạm tính đến ngày 11/9/2023) và buộc bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 0034/SME-NTB/2017/HĐTD-DN ngày 22/5/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng O. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.2] Căn cứ khoản 2 Điều 280 Bộ luật dân sự 2015 quy định *"...Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc..."*.

[4.3] Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng qui định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*.

[4.4] Tại Điều 7 và khoản 5 Điều 11 của Hợp đồng tín dụng số 0034/SME-NTB/2017/HĐTD-DN ngày 22/5/2017 quy định: *"Đối với dư nợ gốc đến hạn (bao gồm cả trường hợp thu hồi nợ trước hạn) được chuyển sang nợ quá hạn vào ngày liền sau ngày phát sinh một hoặc một số sự kiện dưới đây với lãi suất áp dụng là lãi suất quá hạn bằng 150 lãi suất vay trong hạn: 1. Bên vay không thanh toán các khoản nợ gốc theo đúng thời hạn đã thỏa thuận và không được O chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ"; "Trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ...thì phải chịu phạt vi phạm 8% giá trị hợp đồng.."*.

[4.5] Xét trong quá trình thanh toán nợ cho Ngân hàng O, bị đơn Công ty TN đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng O tính lãi quá hạn từ ngày 26/12/2018 và phạt vi phạm là phù hợp.

[4.6] Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi và phạt vi phạm (tạm tính đến ngày 11/9/2023): 6.276.906.786 đồng (bao gồm: Lãi trong hạn: 1.732.004.856 đồng và lãi quá hạn: 3.768.901.930 đồng và phạt vi phạm: 776.000.000 đồng) và buộc bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0034/SME-NTB/2017/HĐTD-DN ngày 22/5/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng O.

[5]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

[5.1] Xét các tài sản thế chấp sau đây:

1. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-378.07, đăng ký lần đầu ngày 12/05/2017, số máy: 2926HLSX0143, số khung: 48DJHH941589. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273103.

2. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2 , biển số đăng ký 51G-379.81, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0022, số khung: 48DJGH940945. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273023

3. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-371.18, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0198, số khung: 48DJGH940947. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273030

4. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-370.89, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0018, số khung: 48DJGH940963. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273027

5. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-370.88, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0017, số khung: 48DJGH940944. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273028.

6. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-378.81, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0191, số khung: 48DJGH940961. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273032.

7. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-370.71, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0197, số khung: 48DJGH940953. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273025.

8. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-379.88, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0206, số khung: 48DJGH940962. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273007.

9. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-376.84, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0306, số khung: 48DJGH940960. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273029.

10. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-379.44, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX008, số khung: 48DJGH940946. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273031.

11. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-379.85, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0304, số khung: 48DJGH940928. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273008.

12. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.83, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2786HLSX0226, số khung: 48DJGH941393. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273356.

13. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.16, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0139, số khung: 48DJHH941595. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273349.

14. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-381.58, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0147, số khung: 48DJHH941586. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273359.

15. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.06, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2776HLSX0370, số khung: 48DJGH940956. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 2733348.

16. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-378.36, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0141, số khung: 48DJHH941604. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273345.

17. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-381.21, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2786HLSX0310, số khung: 48DJGH941394. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273357.

18. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-384.09, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0126, số khung: 48DJHH9411605. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273365.

19. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-375.81, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2936HLSX0353, số khung: 48DJGH941395. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273346.

20. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.45, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2796HLSX0034, số khung: 48DJGH940924. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273354.

21. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-381.13, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2786HLSX0016, số khung: 48DJGH940938. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273358.

22. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-384.04, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2776HLSX0332, số khung: 48DJGH940941. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273366.

23. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-383.92, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0189, số khung: 48DJHH941596. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273361.

24. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.31, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2966HLSX0314, số khung: 48DJGH941361. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273352.

25. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.76, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2776HLSX0363, số khung: 48DJGH940931. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273353.

26. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.12, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0144, số khung: 48DJHH941603. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273350.

27. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.40, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2966HLSX0317, số khung: 48DJGH941376. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273351.

28. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-383.93, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2936HLSX0358, số khung: 48DJGH941362. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273364.

[5.2] Tất cả các xe ô tô trên do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần NB, là tài sản dùng để thế chấp đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với bên Ngân hàng O phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: 0034/SME-NTB/2017/HĐTD-DN ngày 22/5/2017. Việc thế chấp được ghi nhận tại Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 0034/SME-NTB/2017/BĐ ngày 27/5/2017

[5.3] Xét nội dung và hình thức Hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định tại Điều 298 và Điều 317 Bộ luật Dân sự năm 2015 và việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày đăng ký 22/5/2017.

[5.4] Căn cứ kết quả trả lời xác minh của Phòng cảnh sát giao thông Thành phố Hồ Chí Minh thì tất cả các xe ô tô nêu trên thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần NB, trạng thái xe: Xe đang bị cầm cố thế chấp, có giấy của ngân hàng.

[5.5] Căn cứ Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "*Các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm: "Đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ..."*

[5.6] Như vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng O : trường hợp Công ty TN không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng O được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện việc phát mại tài sản thế chấp, để thu hồi nợ về cho Ngân hàng O bao gồm 28 xe được liệt kê nêu trên theo thứ tự từ 01 đến 28 thuộc sở hữu của Công ty TN để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi Công ty TN trả hết nợ, Ngân hàng O có trách nhiệm xóa thế chấp đối với 28 xe ô tô con nêu trên và trả lại cho Công ty TN bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe nêu trên.

[6]. Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Công ty TN phải chịu án phí sơ thẩm là 121.050.753 đồng. Hoàn lại án phí cho Ngân hàng O là 58.824.683 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 196; khoản 1 Điều 207; Điều 208; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 298, Điều 299; Điều 317, khoản 1 và khoản 2 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức Tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

a) Buộc Công ty Cổ phần NB phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền bao gồm:

Nợ gốc: 6.773.846.182 đồng, lãi trong hạn: 1.732.004.856 đồng, lãi quá hạn: 3.768.901.930 đồng và phạt vi phạm 776.000.000 đồng. Tổng cộng 13.050.752.968 đồng. Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty Cổ phần NB còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận tương ứng với Hợp đồng tín dụng số: 0034/SME-NTB/2017/HĐTD-DN ngày 22/5/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất tiếp tục thanh toán sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm thi hành án.

b) Sau khi Công ty Cổ phần NB thanh toán hết nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có trách nhiệm xóa thế chấp đối với 28 xe ô tô còn lại đã được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh, và trả lại cho Công ty Cổ phần NB bản chính các Giấy chứng nhận đăng ký xe nêu trên.

c) Trường hợp Công ty Cổ phần NB không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện việc phát mãi tài sản để thu hồi nợ các xe ô tô sau:

1. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-378.07, đăng ký lần đầu ngày 12/05/2017, số máy: 2926HLSX0143, số khung: 48DJHH941589. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273103.

2. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2 , biển số đăng ký 51G-379.81, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0022, số khung: 48DJGH940945. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273023

3. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-371.18, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0198, số khung: 48DJGH940947. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273030

4. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-370.89, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0018, số khung: 48DJGH940963. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273027

5. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-370.88, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0017, số khung: 48DJGH940944. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273028.

6. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-378.81, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0191, số khung: 48DJGH940961. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273032.

7. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-370.71, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0197, số khung: 48DJGH940953. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273025.

8. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-379.88, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0206, số khung: 48DJGH940962. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273007.

9. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-376.84, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0306, số khung: 48DJGH940960. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273029.

10. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-379.44, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX008, số khung: 48DJGH940946. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273031.

11. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-379.85, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2017, số máy: 2786HLSX0304, số khung: 48DJGH940928. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273008.

12. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.83, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2786HLSX0226, số khung: 48DJGH941393. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273356.

13. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.16, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0139, số khung: 48DJHH941595. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273349.

14. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-381.58, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0147, số khung: 48DJHH941586. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273359.

15. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.06, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2776HLSX0370, số khung: 48DJGH940956. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 2733348.

16. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-378.36, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0141, số khung: 48DJHH941604. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273345.

17. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-381.21, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2786HLSX0310, số khung: 48DJGH941394. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273357.

18. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-384.09, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0126, số khung: 48DJHH9411605. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273365.

19. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-375.81, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2936HLSX0353, số khung: 48DJGH941395. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273346.

20. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.45, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2796HLSX0034, số khung: 48DJGH940924. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273354.

21. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-381.13, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2786HLSX0016, số khung: 48DJGH940938. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273358.

22. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-384.04, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2776HLSX0332, số khung: 48DJGH940941. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273366.

23. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-383.92, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0189, số khung: 48DJHH941596. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273361.

24. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.31, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2966HLSX0314, số khung: 48DJGH941361. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273352.

25. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.76, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2776HLSX0363, số khung: 48DJGH940931. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273353.

26. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.12, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2926HLSX0144, số khung: 48DJHH941603. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273350.

27. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-380.40, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2966HLSX0317, số khung: 48DJGH941376. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273351.

28. Xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet Spark 1.2, biển số đăng ký 51G-383.93, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2017, số máy: 2936HLSX0358, số khung: 48DJGH941362. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 273364.

Tất cả các xe trên đều Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh và thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần NB.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần NB phải chịu là 121.050.753 đồng (một trăm hai mươi mốt triệu không trăm năm mươi ngàn bảy trăm năm mươi ba đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.824.683 đồng (năm mươi tám triệu tám trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi ba đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0006603 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và Công ty Cổ phần NB có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Phú Oanh